

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2020/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

Dự thảo 2
02/01/2020
(Dự thảo
đăng tải
trên mạng
xin ý kiến)

NGHỊ ĐỊNH

Quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Nghị định này quy định về lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo (sau đây gọi chung là trình độ chuẩn) của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở.

2. Nghị định này áp dụng đối với cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, giáo viên (sau đây gọi chung là giáo viên) đang giảng dạy chương trình giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở tại các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học, trường chuyên biệt (trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường chuyên, trường năng khiếu, trường dành cho người tàn tật, khuyết tật, trường giáo dưỡng) và cơ sở giáo dục thường xuyên.

Điều 2. Đối tượng phải thực hiện nâng trình độ chuẩn

1. Giáo viên mầm non chưa có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm trở lên.

2. Giáo viên tiểu học, trung học cơ sở chưa có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên hoặc bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm trở lên.

3. Độ tuổi giáo viên phải thực hiện nâng trình độ chuẩn: Tính từ ngày 01 tháng 7 năm 2020, giáo viên mầm non, giáo viên tiểu học, giáo viên trung học cơ sở trừ thời gian đào tạo theo quy định, còn đủ 5 năm công tác tính đến tuổi được nghỉ hưu phải thực hiện nâng trình độ chuẩn.



Điều 3. Mục đích thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn của giáo viên

1. Xây dựng đội ngũ giáo viên đạt trình độ chuẩn theo quy định của Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019.
2. Nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực sư phạm của đội ngũ giáo viên, đáp ứng yêu cầu đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục.
3. Thực hiện chế độ chính sách đối với giáo viên theo quy định hiện hành.

Điều 4. Nguyên tắc thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn của giáo viên

1. Thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn của giáo viên phải bảo đảm phù hợp với thực tiễn và điều kiện thực hiện của giáo viên, cơ sở giáo dục, địa phương; không để xảy ra tình trạng thiếu giáo viên giảng dạy.
2. Việc đào tạo nâng trình độ chuẩn của giáo viên phải căn cứ vào độ tuổi; hiện trạng trình độ đào tạo của giáo viên; tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên; chuẩn nghề nghiệp giáo viên; vị trí việc làm gắn với việc sử dụng giáo viên trong các cơ sở giáo dục.
3. Bảo đảm khách quan, công bằng, hiệu quả.

Chương II**LỘ TRÌNH THỰC HIỆN NÂNG TRÌNH ĐỘ CHUẨN CỦA GIÁO VIÊN****Điều 5. Lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn của giáo viên**

1. Lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn của giáo viên được thực hiện từ ngày 01 tháng 7 năm 2020 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.
2. Lộ trình được thực hiện thành 2 giai đoạn:
 - a) Từ 01 tháng 7 năm 2020 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025, bảo đảm đạt ít nhất 60% số giáo viên phải thực hiện nâng trình độ chuẩn đang được đào tạo hoặc đã hoàn thành chương trình đào tạo được cấp bằng tốt nghiệp;
 - b) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030, thực hiện nâng chuẩn đối với số giáo viên còn lại để bảo đảm 100% số giáo viên của các cơ sở giáo dục đạt trình độ chuẩn theo quy định.

Điều 6. Kế hoạch thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn của giáo viên

1. Kế hoạch thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn của giáo viên được xây dựng 5 năm và hàng năm trên cơ sở định hướng, mục tiêu xây dựng và phát triển đội ngũ giáo viên của Nhà nước, của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
2. Kế hoạch thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn của giáo viên được xây dựng từ cơ sở giáo dục đến kế hoạch chung của địa phương (huyện, tỉnh/thành phố), Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm:

a) Kế hoạch về số lượng giáo viên phải thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn trong 5 năm và từng năm ở từng cơ sở giáo dục, từng địa phương và toàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

b) Kế hoạch kinh phí để đào tạo giáo viên đạt trình độ chuẩn tương ứng với kế hoạch về số lượng giáo viên theo các cấp học và trình độ đào tạo.

3. Kế hoạch thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn của giáo viên phải bảo đảm đạt chỉ tiêu đào tạo đã quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này.

Điều 7. Kinh phí thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn của giáo viên

1. Kinh phí thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn của giáo viên được đảm bảo từ nguồn tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước cấp bổ sung theo phân cấp ngân sách hiện hành; đóng góp của giáo viên và các nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.

2. Giáo viên tham gia đào tạo nâng trình độ chuẩn được miễn học phí.

3. Kinh phí đào tạo nâng trình độ chuẩn của giáo viên thực hiện theo các quy định hiện hành về kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

Điều 8. Quyền lợi và trách nhiệm của giáo viên tham gia đào tạo nâng trình độ chuẩn

1. Đối với giáo viên được cử đi đào tạo nâng trình độ chuẩn:

a) Được cơ quan quản lý, sử dụng tạo điều kiện về thời gian và được hỗ trợ, cấp kinh phí đào tạo theo quy định;

b) Được tính thời gian đào tạo vào thời gian công tác liên tục;

c) Được hưởng 100% lương và các chế độ, phụ cấp theo quy định của pháp luật;

d) Được biểu dương, khen thưởng khi có thành tích xuất sắc trong học tập.

2. Giáo viên là nữ, người dân tộc thiểu số, ngoài những quyền lợi được hưởng theo quy định tại khoản 1 Điều này, được hưởng các quyền lợi theo quy định của pháp luật về bình đẳng giới và công tác dân tộc.

3. Trách nhiệm của giáo viên được cử đi đào tạo nâng trình độ chuẩn:

a) Thực hiện các quy định về đào tạo, quy chế và quy định về thời gian đào tạo; chịu sự quản lý của cơ sở đào tạo trong thời gian tham gia khóa học;

b) Thực hiện đền bù chi phí đào tạo theo quy định hiện hành của pháp luật;

c) Trong suốt thời gian khóa học, giáo viên vẫn phải thực hiện các nhiệm vụ công tác theo quy định khi không phải tham gia các hoạt động đào tạo.

Chương III

ĐÀO TẠO NÂNG TRÌNH ĐỘ CHUẨN CỦA GIÁO VIÊN

Điều 9. Thời gian đào tạo

1. Đào tạo trình độ cao đẳng được thực hiện từ một năm rưỡi đến hai năm học đối với giáo viên có bằng tốt nghiệp trung cấp cùng ngành đào tạo.



2. Đào tạo trình độ đại học được thực hiện từ hai năm rưỡi đến bốn năm học đối với giáo viên có bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp cùng ngành đào tạo; từ một năm rưỡi đến hai năm học đối với giáo viên có bằng tốt nghiệp trình độ cao đẳng cùng ngành đào tạo.

3. Đối với giáo viên đào tạo theo phương thức đào tạo tích lũy theo hệ thống tín chỉ thì thời gian đào tạo để đạt trình độ chuẩn theo quy định tối đa không quá 4 năm học kể từ ngày trúng tuyển.

4. Thời gian đào tạo được thực hiện linh hoạt trong năm.

Điều 10. Chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo nâng trình độ chuẩn của giáo viên do các cơ sở đào tạo giáo viên xây dựng, thẩm định và ban hành theo quy định.

2. Giáo viên học chương trình đào tạo nâng trình độ chuẩn được bảo lưu kết quả học tập và miễn trừ không phải học lại đối với những học phần trong chương trình đào tạo trước đã học có nội dung và khối lượng học tập (số tín chỉ) tương đương hoặc lớn hơn, có kết quả học tập đạt yêu cầu theo quy định khi so sánh, đối chiếu với chương trình đào tạo giáo viên để đạt chuẩn. Thủ trưởng cơ sở đào tạo giáo viên quyết định về bảo lưu kết quả học tập và miễn trừ không phải học lại đối với các học phần đã tích lũy của người học và những chuyên đề đã được bồi dưỡng.

3. Chương trình đào tạo nâng trình độ chuẩn của giáo viên gồm có:

- a) Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, đại học giáo dục mầm non;
- b) Chương trình đào tạo trình độ đại học giáo dục tiểu học và các ngành đào tạo giáo viên các môn âm nhạc, mỹ thuật, thể dục, tin học, ngoại ngữ cấp tiểu học;
- c) Chương trình đào tạo trình độ đại học các ngành đào tạo giáo viên trung học cơ sở.

Điều 11. Hình thức, tổ chức và quản lý đào tạo

1. Các hình thức đào tạo được thực hiện linh hoạt, phù hợp với đối tượng giáo viên vừa làm, vừa học: Học tích lũy tín chỉ, học từ xa, học tập trung, trực tuyến, học trực tuyến kết hợp với tập trung.

2. Việc đào tạo đối với giáo viên vừa làm vừa học được tổ chức và quản lý theo tín chỉ.

3. Giáo viên có thể học và thi để tích lũy một số tín chỉ cùng với hệ đào tạo chính quy.

4. Ngay khi tuyển sinh và vào đầu khóa học, cơ sở đào tạo phải thông báo cho người học về chương trình đào tạo toàn khóa; đề cương chi tiết các học phần trong chương trình đào tạo; học liệu; kế hoạch học tập; kế hoạch kiểm tra, thi; các quy định khác của cơ sở đào tạo có liên quan đến khóa học.

Điều 12. Tuyển sinh và cấp văn bằng, chứng chỉ

1. Việc tuyển sinh đào tạo nâng trình độ chuẩn của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở được thực hiện bằng phương thức thi tuyển hoặc xét tuyển hoặc kết hợp

giữa thi tuyển và xét tuyển do Thủ trưởng các cơ sở đào tạo giáo viên quyết định theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Điều kiện tuyển sinh thực hiện theo quy định hiện hành. Thủ trưởng các cơ sở đào tạo giáo viên chịu trách nhiệm quy định và hướng dẫn điều kiện tuyển sinh.

3. Giáo viên hoàn thành chương trình đào tạo, đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra tương đương Bậc 5 của Khung trình độ quốc gia Việt Nam được cấp bằng cao đẳng sư phạm; tương đương với Bậc 6 của Khung trình độ quốc gia Việt Nam được cấp bằng đại học sư phạm.

Việc quản lý, cấp phát văn bằng, chứng chỉ thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Chỉ đạo các địa phương và các cơ sở đào tạo giáo viên xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn của giáo viên theo quy định.

2. Giao nhiệm vụ cho các cơ sở giáo dục thực hiện việc đào tạo nâng trình độ chuẩn của giáo viên.

3. Giao chỉ tiêu tuyển sinh hằng năm cho các cơ sở đào tạo giáo viên được giao nhiệm vụ.

4. Xây dựng, thẩm định và ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ cao đẳng ngành giáo dục mầm non; trình độ đại học ngành giáo dục tiểu học và các ngành đào tạo giáo dục âm nhạc, mỹ thuật, thể dục, tin học, ngoại ngữ cấp tiểu học; trình độ đại học các ngành đào tạo giáo viên trung học cơ sở (trong đó có quy định khung khối lượng kiến thức, kỹ năng tối thiểu, bao gồm các nội dung và khối lượng học tập cụ thể của từng nội dung).

5. Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm và thực hiện chế độ, chính sách đào tạo theo quy định.

6. Tổ chức sơ kết khi kết thúc giai đoạn 1 và tổ chức tổng kết khi kết thúc lộ trình để đánh giá tình hình, kết quả thực hiện.

Điều 14. Trách nhiệm của các Bộ, ngành Trung ương

1. Bộ Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan khác có liên quan trình cấp có thẩm quyền cân đối, bố trí kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ đào tạo nâng trình độ chuẩn của giáo viên theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan khác có liên quan kiểm tra việc quản lý, bố trí, sử dụng kinh phí đào tạo.

2. Bộ Nội vụ

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn các địa phương về việc bố trí, sắp xếp biên chế nhằm tạo điều kiện cho các giáo viên tham gia các khóa đào tạo nâng trình độ chuẩn;

b) Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện công tác đào tạo nâng trình độ chuẩn của giáo viên.

Điều 15. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Xây dựng kế hoạch 5 năm và hằng năm về thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn của giáo viên và thống nhất kế hoạch với Bộ Giáo dục và Đào tạo trước khi triển khai thực hiện.

2. Tổ chức chỉ đạo, bố trí kinh phí triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn của giáo viên.

3. Chỉ đạo sở giáo dục và đào tạo, sở nội vụ, sở tài chính và các sở ban ngành liên quan, ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo; chọn cử, bố trí, sắp xếp giáo viên; sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện và rút kinh nghiệm về công tác này.

4. Báo cáo kết quả định kỳ thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn của giáo viên về Bộ Giáo dục và Đào tạo trước ngày 31 tháng 12 hằng năm.

Điều 16. Trách nhiệm của các cơ sở đào tạo giáo viên được giao nhiệm vụ

1. Các cơ sở đào tạo giáo viên có trách nhiệm xây dựng kế hoạch thực hiện lộ trình đào tạo nâng trình độ chuẩn của giáo viên.

2. Xây dựng các chương trình đào tạo, bồi dưỡng kèm theo giáo trình, học liệu phù hợp. Chuẩn bị các điều kiện về cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên để thực hiện lộ trình đào tạo nâng trình độ chuẩn của giáo viên.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với những giáo viên tiểu học trình độ trung cấp đang được đào tạo để nâng chuẩn trình độ lên cao đẳng thì được tiếp tục đào tạo lên trình độ đại học.

2. Đối với những giáo viên đã tham gia đào tạo nhưng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030 chưa tốt nghiệp thì được tính thêm 1 năm (12 tháng) để hoàn thành chương trình và công nhận tốt nghiệp.

Điều 18. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2020.



Điều 19. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ người đứng đầu các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Thủ trưởng cơ quan quản lý, đơn vị sử dụng giáo viên chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo.
- Lưu: VT, TCCV (2).KN

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc